TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày 20 - 9 - 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên: Bà Nguyễn Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thu Hương

Ông Lê Trung Thành.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

Kiểm sát sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt là SEABANK)

Địa chỉ: Số 198 T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T: Bà Lã Thị H - Chức vụ: Phó Giám đốc khối xử lý nợ;

- Người đại diện theo ủy quyền lại của bà Lã Thị H: Ông Lê Văn T - giám đốc khởi kiện địa bàn Hà Nội – Khối xử lý nợ.

2. *Bị đơn vợ chồng:* Ông Đặng Văn N, sinh năm 1978 và bà Vũ Thị N1, sinh năm 1981

Đều có địa chỉ: Xóm H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị N1: Ông Đặng Văn N, sinh năm 1978 là bị đơn trong vụ án;

Tại phiên tòa: Anh T và anh N có mặt; chị N1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2023, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn, anh Lê Văn T trình bày:

1. Ngày 10/03/2022, ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1 vay vốn tại SeABank Long Biên - PGD Gia Lâm theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số REF2206600167/HDTD/HN6-DVN với nội dung cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 2.900.000.000 đồng *(Hai tỷ, chín trăm triệu đồng)*. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng vay vốn;

- Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 10,49%/năm và được giữ cố định trong suốt thời gian vay vốn; Lãi suất quá hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả: Bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Toàn bộ quyền sử dụng 448m^2 đất (bao gồm: 180m2 đất ở và 268m2 đất vườn), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 1317, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Xã H, huyện N, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 212583 do UBND huyện N, tỉnh Nam Định cấp ngày 10/05/2004 mang tên hộ ông Đặng Văn N. Chi tiết về việc thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số REF2206600167/HDTC/HN6-DVN ngày 09/03/2022; Số công chứng 1150, quyển số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 1, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

2. Ngoài ra ngày 28/02/2022 ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1 còn ký kết với SeABank Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (Thẻ tín dụng VISA) với hạn mức là: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng SeABank. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông N và bà N1 trả nợ nhưng ông bà vẫn không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 20/9/2023, ông N và N1 mới thanh toán được cho SeABank số tiền: 286.332.975 đồng (trong đó nợ gốc là: 230.528 đồng, nợ lãi là: 286.102.447 đồng).

Do vậy Ngân hàng SeABank đề N Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xem xét giải quyết: Buộc ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng SeABank các khoản nợ theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số REF2206600167/HDTD/HN6-DVN ngày 10/03/2022 và Thẻ tín

dụng VISA ngày 28/02/2022, tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 20/9/2023 cụ thể như sau:

+ Đối với Hợp đồng REF2206600167/HDTD/HN6-DVN: Nợ gốc là 2.899.769.472 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 18.335.945 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 230.938.814 đồng. Tổng số tiền là 3.149.044.231 đồng

+ Đối với thẻ tín dụng: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 9.953.341 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 14.416.973 đồng. Tổng số tiền là 124.370.314 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn của 02 hợp đồng trên là: 3.273.414.545 đồng (Ba tỷ, hai trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng)

Buộc ông N và bà N1 phải tiếp tục trả nợ cho SeABank số tiền nợ lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số REF2206600167/HDTD/HN6-DVN ngày 10/03/2022 và Thẻ tín dụng VISA, kể từ ngày 21/9/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1 không thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì SeABank được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay là: Toàn bộ quyền sử dụng 448m^2 đất (Bao gồm: 180m^2 đất ở và 268m^2 đất vườn), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất tại thửa đất số: 1317, tờ bản đồ số: 3, địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 212583 do UBND huyện N, tỉnh Nam Định cấp ngày 10/05/2004 cho hộ ông Đặng Văn N.

Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho SeABank, thì ông N và bà N1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho SeABank cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Tại bản tự khai ngày 14/8/2023, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên Tòa bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị N1, ông Đặng Văn N và trình bày:

1. Ngày 10/03/2022 ông bà có vay vốn tại SeABank Long Biên - PGD Gia Lâm theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số REF2206600167/HDTD/HN6-DVN: Hạn mức tín dụng: 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm triệu đồng); Mục đích vay vốn: Vay bổ sung vốn kinh doanh; Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng vay vốn;

Lãi suất cho vay cụ thể và tài sản bảo đảm là Toàn bộ quyền sử dụng 448m^2 đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 1317, tờ bản đồ số: 3, địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 212583 do UBND huyện N, tỉnh Nam Định cấp ngày 10/05/2004 cho hộ ông Đặng Văn N cho khoản vay hạn mức trên đúng như Ngân hành trình bày.

2. Ngày 28/02/2022 vợ chồng ông bà còn ký kết với SeABank Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân (Thẻ tín dụng VISA) với hạn mức là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng trên vợ chồng ông bà mới thanh toán được 11 tháng lãi cho SeABank đối với khoản vay ngày 10/03/2022 với tổng số tiền: 286.332.975 đồng. Sau đó được phía ngân hàng thông báo đến kỳ trả nợ gốc, ông bà có đề N phía ngân hàng cho đáo hạn với mức vay 2,9 tỷ đảm bảo bằng tài sản thế chấp ban đầu và ông bà vẫn thực hiện đầy đủ lãi theo thỏa thuận nhưng phía ngân hàng trả lời chỉ cho ông bà vay lại với số tiền 01 tỷ đồng, nên ông bà không đồng ý. Vì trong quá trình kinh doanh không thuận lợi nên vợ chồng ông bà không tiếp tục trả lãi và gốc cho ngân hàng SeABank theo các hợp đồng trên được.

Nay Ngân hàng SeABank làm đơn khởi kiện đề N Tòa án buộc ông bà phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng đối với 02 hợp đồng vay trên cả nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn với số tiền như ngân hàng cung cấp là đúng. Ông bà không trốn nợ, đề N Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ pháp luật: Xác định đây vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”;

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng: Các đương sự đều đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng;

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1 .

- Buộc vợ chồng ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm tính đến ngày 20/9/2023 là 3.273.414.545 đồng (Ba tỷ, hai trăm bẩy mươi ba triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là 2.999.769.472 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 28.289.286 đồng và Nợ lãi quá hạn là 245.355.787 đồng.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 21/9/2023 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và hợp đồng Thẻ tín dụng VISA trên cho đến khi ông N, bà N1 thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

- Trường hợp ông N và bà N1 không thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng Hợp đồng REF2206600167/HDTD/HN6-DVN ngày 10/3/2022, thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng 448m^2 đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 1317, tờ bản đồ số: 3, địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Nam

Định được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự để đảm bảo đối với số nợ của Hợp đồng này.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1 có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 97.468.000 đồng (Chín mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng SeABank với ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1 cư trú tại: xã H, huyện N tỉnh Nam Định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Vũ Thị N1 đồng bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà đã có văn bản ủy quyền cho ông Đặng Văn N tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Tại phiên tòa ông N có mặt phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng hạn mức số REF2206600167/HDTD/HN6-DVN ngày 10/3/2022 và hợp đồng thẻ tín dụng ngày 28/02/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với vợ chồng ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng cho ông N, bà N1. Ông N, bà N1 đã nhận đủ số tiền 03 tỷ đồng nhưng ông bà mới thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc và lãi 11 tháng của hợp đồng ngày 10/3/2022 với số tiền là 286.332.974 đồng, sau đó ông bà không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong 02 hợp đồng tín dụng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhưng ông N và bà N1 vẫn không trả.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu ông N và bà N1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số nợ gốc tạm tính đến ngày 20/9/2023 là 2.999.769.472 đồng đồng (Hai tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, bẩy trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm bẩy mươi hai đồng). Ông N thừa nhận hiện ông bà còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc như ông T đề N là đúng.

[4] Về lãi suất: Đối với khoản tiền nợ lãi trong hạn của 02 hợp đồng vay mà Ngân hàng tạm tính đến ngày 20/9/2023 là 28.289.286 đồng; nợ lãi quá hạn là 245.355.787 đồng. Do ông N và bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã

chuyển khoản nợ trên thành khoản nợ quá hạn từ ngày vi phạm và buộc ông N, bà N1 phải trả lãi theo Điều 2 của Hợp đồng tín dụng là 10,49%/năm/trên số tiền nợ gốc là 2.999.769.472 đồng; nợ lãi quá hạn là 150%/năm của lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất và đề N bị đơn phải trả là phù hợp với Điều 6.1, 6.2 quy định về lãi suất và lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5] Từ phân trên HĐXX thấy: Do vợ chồng ông N và bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong 02 Hợp đồng cho vay hạn mức trên với Ngân hàng TMCP Đ. Như vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng TMCP Đ. Buộc vợ chồng ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm tính đến ngày 20/9/2023 là 3.273.414.545 đồng (Ba tỷ, hai trăm bẩy mươi ba triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là 2.999.769.472 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 28.289.286 đồng và Nợ lãi quá hạn là 245.355.787 đồng, phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Về Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 21/9/2023 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số REF2206600167/HDTD/HN6-DVN ngày 10/3/2022 và hợp đồng Thẻ tín dụng VISA ngày 28/2/2022 cho đến khi ông N, bà N1 thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

[6] Về yêu cầu của Ngân hàng đối với việc xử lý tài sản bảo đảm nhận thấy: Tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng hạn mức số REF2206600167/HDTD/HN6-DVN ngày 10/3/2022 thì tài sản bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên vay là bất động sản tại thửa đất số: 1317, tờ bản đồ số: 3, địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 212583 do UBND huyện N, tỉnh Nam Định cấp ngày 10/05/2004 cho hộ ông Đặng Văn N để bảo đảm cho ông N bà N1 vay số tiền tối đa là 2,9 tỷ ông của ngân hàng. Việc ký hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại: Số công chứng 1150, quyển số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 1, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Như vậy, hợp đồng thế chấp này là hợp pháp nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Căn cứ vào Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự, Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp nếu bị đơn không trả nợ hoặc không trả đủ nợ đối với hợp đồng ngày 10/3/2022.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận nên ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1 liên đới phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tương ứng với số tiền phải trả là (72.000.000 đồng + 0.2% của phần giá trị tranh chấp vượt 2.000.000.000 đồng) là 97.468.000 đồng (Chín mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm phí án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 299, 303, 320, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP Đ đối với vợ chồng ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1. Buộc vợ chồng ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1 liên đới phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm tính đến ngày 20/9/2023 là 3.273.414.545 đồng (Ba tỷ, hai trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là 2.999.769.472 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 28.289.286 đồng và nợ lãi quá hạn là 245.355.787 đồng.

2. Ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1 phải chịu các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số REF2206600167/HDTD/HN6-DVN ngày 10/3/2022 và hợp đồng Thẻ tín dụng VISA ngày 28/2/2022 kể từ ngày 21/9/2023 cho đến khi ông N, bà N1 thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

3. Trường hợp ông N và bà N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số REF2206600167/HDTD/HN6-DVN ngày 10/3/2022, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng 448m^2 đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 1317, tờ bản đồ số: 3, địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Nam Định, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 212583 do UBND huyện N, tỉnh Nam Định cấp ngày 10/05/2004 cho hộ ông Đặng Văn N để thu hồi khoản nợ theo hợp đồng trên cho Ngân hàng.

4. Về án phí: Ông Đặng Văn N và bà Vũ Thị N1 liên đới phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 97.468.000 đồng (Chín mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 46.000.000 đồng tiền tạm phí án phí đã nộp theo Biên lai số 0000547 ngày 28/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ánh